

Bản án số: 169/2020/HS-PT

Ngày: 24/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 118/2020/HSPT ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo họ và tên: Trần Thị T, sinh năm: 1971 (tên gọi khác: Đ), tại CT; nơi cư trú tại: Khu vực LĐ, phường LH, quận OM, thành phố CT; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C (chết) và con bà: Mai Thị B (chết); tiền án: Ngày 22/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện CĐ, thành phố CT xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; Ngày 12/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận TN, thành phố CT xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù tháng 08 năm 2018; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 26/11/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Ngày 05/7/2007 bị Tòa án nhân dân quận TN, thành phố CT xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của các bản án: Ngày 15/5/2019 bị Tòa án nhân dân BT, thành phố CT xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 17/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện BT1, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 13/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố CT xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 16/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về

tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/11/2019 bị Tòa án nhân dân quận OM, thành phố CT xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giam: ngày 06/12/2018 theo bản án số 37/2019/HS-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân quận BT, thành phố CT. Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam ĐT, thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 139/2019/QĐ-CA ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân quận OM, thành phố CT, với tổng hình phạt là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Tường Tú U; bị hại: Võ Văn Đ1, Nguyễn Hồng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn T1 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T, Nguyễn Tường Tú U là bạn của nhau, không có nghề nghiệp ổn định, nên chiều ngày 01/12/2018 T điện thoại rủ U đi trộm xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau xài, được U đồng ý. Khoảng 05 giờ ngày 02/12/2018 T điều khiển xe mô tô biển số 66E1-320.42 (xe này T mượn của Trần Văn T1 em ruột T để T làm phương tiện bán vé số hằng ngày) lúc đi T đem theo 03 cây đoản bằng kim loại một đầu tròn, một đầu dẹp dùng để bẻ ổ khóa xe. Khi đến Khu vực Thới Hòa C, phường LH, quận OM, thành phố CT, T ghé vào rước Nguyễn Tường Tú U và giao cho U điều khiển xe chở T ngồi phía sau đi qua chợ LT, thuộc xã LT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, khi đến đầu chợ còn khoảng 10m vô lòng chợ, thì T kêu U ngừng xe lại để T xuống xe đi bộ vào chợ tìm xe lấy trộm, còn U đứng tại xe để chờ, trong lúc T đi thì U phát hiện chị Nguyễn Hồng N dựng xe mô tô hiệu Wave Anpha màu đỏ - đen - bạc biển số 66L1-137.65 cách chỗ U đứng khoảng 10m sau đó chị N đi vào chợ, thấy vậy U điện thoại cho T hỏi có xe trộm không? T trả lời “không có”, U nói với T “ngoài này có cá màu đỏ nè”, sau khi điện cho T xong thì U đi vô chợ nhằm tránh sự chú ý của mọi người, còn T thì từ trong chợ đi ra đến thẳng lại chỗ chiếc xe của chị N rồi dùng đoản đem theo bẻ ổ khóa lấy xe của chị N chạy lên hướng huyện CM, tỉnh AG, đồng thời điện cho U chạy xe theo sau. Khi đến bến đò TL1, xã BT3, huyện LV1, T và U mở cốp xe của chị N ra thì phát hiện một bóp da, nhưng kiểm tra trong bóp không có tiền, mà chỉ có giấy tờ xe tên Võ Văn Đ1 là chồng của chị N, do không có tiền nên U ném cái bóp xuống sông, chị Trần Thị Cẩm L là người góp vé đò phát hiện nên đã vớt cái bóp nộp cho cơ quan Điều tra làm vật chứng trong vụ án. Sau khi lên đò T và U chạy xe lên huyện CM, tỉnh AG bán xe cho một người lạ mặt với giá là 5.000.000đ rồi chia nhau mỗi người được 2.500.000đ. Vụ việc đã được hai bị cáo đầu thú khai báo như nội dung đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số 14/KL-ĐGTS ngày 30/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LV xác định: Xe mô tô biển số

66L1-137.65 nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đỏ- đen- bạc dung tích 97cm³, số máy 12E-3370698, số khung Y-570552 có giá trị 9.900.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện LV đã quyết định:

Căn cứ điểm b, g Khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T (Đ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T (Đ) - 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân quận BT, thành phố CT; tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT1, tỉnh Vĩnh Long; tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố CT; tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận OM, thành phố CT. Buộc bị cáo Trần Thị T (Đ) phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, lý do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị bệnh HIV, không có trình độ văn hóa, chưa hiểu pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cho rằng cấp sơ thẩm kết tội bị cáo là có căn cứ, mức hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo là tương xứng, đúng với tính chất cũng như mức độ hậu quả tác hại và phù hợp với nhân thân của bị cáo. Bị cáo là người phạm tội chuyên nghiệp, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, nên đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo không phát biểu tranh luận.

Nói lời sau cùng bị cáo Trần Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, để sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Thị T thừa nhận đã cùng với Nguyễn Tường Tú U thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hồng N một xe mô tô có giá trị là 9.900.000đ bị cáo nhận tội. Bản án sơ thẩm kết tội bị cáo và xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đồng thời tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 17 năm 06 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai. Ngày 25 tháng 3 năm 2020 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không đưa ra được lý do và không có một tình tiết giảm nhẹ nào mới. Quá trình lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, phù hợp với nhân thân của bị cáo cho nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Trần Thị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp Điều 355; 356 BLTTHS.

[2] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì mức án tuyên tương xứng với tính chất, mức độ, cũng như hậu quả tác hại mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được áp dụng đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đồng thời phù hợp quan điểm của HĐXX nên cần chấp nhận.

Ngoài ra nhận thấy cách tuyên tổng hợp hình phạt của án sơ thẩm là chưa chuẩn xác và lặp lại nhiều lần từ “Tổng hợp” không cần thiết, cho nên cần phải điều chỉnh cách tuyên tổng hợp hình phạt chính xác hơn.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Trần Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Điều chỉnh cách tổng hợp hình phạt cho phù hợp với quy định.

2. Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T (Đ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T (Đ) 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp với hình phạt: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân quận BT, thành

phố CT; 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện BT1, tỉnh Vĩnh Long; 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố CT; 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận OM, thành phố CT. Buộc bị cáo Trần Thị T (Đ) phải chấp hành hình phạt chung 06 bản án là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2018.

3. Về án phí:

Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Cơ quan CSĐT CA huyện LV;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Kiểu).

Trương Phước Tự